

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chi hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I năm học 2021 - 2022
cho sinh viên K15CD, K16CD và K17CD

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT

Căn cứ Quyết định số 4507/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/8/2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 1308/2019/VBHN-BLĐTĐBXH ngày 05/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22 tháng 10 năm 2015 Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ hồ sơ và đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập của sinh viên;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác HSSV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chi hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I năm học 2021 - 2022 cho 53 sinh viên K15CD, K16CD và K17CD (có danh sách kèm theo).

Tổng số tiền: **189.528.000đ**

(Viết bằng chữ: Một trăm tám mươi chín triệu năm trăm hai mươi tám nghìn đồng)

Điều 2. Các Ông (bà) Trưởng phòng CTHSSV, Phòng KH-TC, Khoa Điện, Khoa Cơ khí, Khoa KTNL, Khoa KHCB, Khoa CNTT và sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 2;
- Ban Giám hiệu (báo cáo);
- Phòng KH-TC, các Khoa;
- P.Tổng hợp (Website);
- Lưu: VT, P.CTHSSV.



TS. Ngô Xuân Hoàng

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2021 - 2022

(Kèm theo Quyết định số: 854/QĐ-CDKTKT-CTHSSV ngày 11 tháng 11 năm 2021

của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật)

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ (đ)/tháng	Kinh phí được hỗ trợ (đ)	Ghi chú
1	CDT12021965103030002	Nguyễn Thanh Hải	K15CĐ-Điện ĐT	CNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
2	CDT12021965103030031	Ma Quang Thật	K15CĐ-Điện ĐT	CNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
3	CDT12021965202270011	Hoàng Văn Thanh	K15CĐ-ĐCN	CNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
4	CDT120220652022700134	Lục Việt Anh	K16CĐ-ĐCNA	CNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
5	CDT12022065202270060	Lý Văn Huân	K16CĐ-ĐCNA	HNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
6	CDT120220652022700122	Dương Văn Đạt	K16CĐ-ĐCNA	CNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
7	CDT120220652022700064	Ma Quang Long	K16CĐ-ĐCNA	CNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
8	CDT120220652022700099	Vi Văn Hoàng	K16CĐ-ĐCNA	CNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
9	CDT120220652022700120	Trần Thế Đạt	K16CĐ-ĐCNB	CNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
10	CDT120220652022700120	Nguyễn Văn Trần	K16CĐ-ĐCNB	CNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
11	CDT120220652022700138	Bùi Văn Cường	K16CĐ-ĐCNC	CNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
12	CDT12022065103030145	Lý Phi Cà	K16CĐ-Điện ĐTA	CNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
13	CDT12022065103030046	Triệu Đức Tài	K16CĐ-Điện ĐT B	CNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
14	CDT12022065103030085	Ma Quang Huy	K16CĐ-Điện ĐT B	CNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
15	CDT12022065103030122	Nông Đình Khải	K16CĐ-Điện ĐT B	CNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
16	CDT12022065103030052	Lương Trung Việt	K16CĐ-Điện ĐT B	CNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
17	CDT12022165202270125	Tổng Duy Hùng	K17CĐ-ĐCN A	CNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
18	CDT12022165202050064	Hoàng Văn Chiên	K17CĐ-Điện lạnh	CNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
19	CDT12022165202050006	Vũ Thành Đạt	K17CĐ-Điện lạnh	CNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
20	CDT12022165202050037	Mạc Đức Hùng	K17CĐ-Điện lạnh	CNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
21	CDT12022165202050028	Trương Văn Nghiêm	K17CĐ-Điện lạnh	CNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
22	CDT12022165103030012	Bùi Quang Huy	K17CĐ-Điện ĐT A	CNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
23	CDT12022165103030128	Dương Văn Tiến	K17CĐ-Điện ĐT A	CNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
24	CDT12022165202250025	Nguyễn Công Nam	K17CĐ-Điện tử CN	CNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
25	CDT12022165202250041	Trần Minh Trình	K17CĐ-Điện tử CN	CNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
26	CDT12022065102160042	Bé Văn Quyển	K16CĐ-Ô tô	CNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
27	CDT12021965102010021	Triệu Thanh Huy	K15CĐ-CNKT Cơ khí	HNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
28	CDT12022065102010006	Nguyễn Văn Diện	K16CĐ-CNKT Cơ khí	HNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
29	CDT12022165102160064	Dương Thịnh Quyền	K17CĐ-Ô tô	CNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
30	CDT12022165102160044	Lâm Văn Tùng	K17CĐ-Ô tô	CNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
31	CDT12021964802010007	Vương Quốc An	K15CĐ-Tin	CNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
32	CDT12021964802010006	Vương Thanh Bình	K15CĐ-Tin	CNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
33	CDT12021964802010008	Hoàng Minh Quang	K15CĐ-Tin	CNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
34	CDT12021964802010016	Lý Thị Thu Thủy	K15CĐ-Tin	CNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
35	CDT12022064802010008	Phùng Văn Huy	K16CĐ-Tin	CNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
36	CDT12022164802010026	Lý Văn Cường	K17CĐ-Tin	CNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
37	CDT12022164802010039	Nông Văn Lam	K17CĐ-Tin	CHNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
38	CDT12022164802010033	Nông Văn Thuyền	K17CĐ-Tin	CHNGHEODT	4	894.000	3.576.000	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Số tháng hỗ trợ	Mức hỗ trợ (đ)/tháng	Kinh phí được hỗ trợ (đ)	Ghi chú
39	CDT12022164802010021	Nguyễn Thị Minh Thu	K17CĐ-Tin	CHNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
40	CDT12022163403010016	Triệu Thị Chanh	K17CĐ-KT	CHNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
41	CDT12022066401010006	Lý Lan Hồng	K16CĐ-TY	CHNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
42	CDT12022066401010005	Khoàng Lan Phương	K16CĐ-TY	CHNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
43	CDT12022066401010010	Ma Thùy Liên	K16CĐ-TY	CHNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
44	CDT12022166402030007	Lâm Đình Khải	K17CĐ-TY	CHNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
45	CDT12021962202110012	Hoàng Văn Thường	K15CĐ-Tiếng Hàn	CNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
46	CDT12022062202110010	Nguyễn Thị Thùy Dương	K16CĐ-Tiếng Hàn	HNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
47	CDT12022062202110033	Tổng Văn Kết	K16CĐ-Tiếng Hàn	CNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
48	CDT12022062202110013	Hoàng Thị Lành	K16CĐ-Tiếng Hàn	HNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
49	CDT12022062202110009	Ma Thị Huyền Mến	K16CĐ-Tiếng Hàn	HNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
50	CDT12022162202110022	Lục Thị Giang	K17CĐ-Tiếng Hàn	CNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
51	CDT12022162202110072	Lương Mai Thuyên	K17CĐ-Tiếng Hàn	HNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
52	CDT12022162202110062	Triệu Thị Toàn	K17CĐ-Tiếng Hàn	HNGHEODT	4	894.000	3.576.000	
53	CDT12022162202110001	Chu Thị Xoan	K17CĐ-Tiếng Hàn	CNGHEODT	4	894.000	3.576.000	

Danh sách ấn định: 53 SV

Tổng số tiền

189.528.000

(Bằng chữ: Một trăm tám mươi chín triệu năm trăm hai mươi tám nghìn đồng chẵn)

TRƯỞNG PHÒNG CTHSSV

NGƯỜI LẬP



Ths. Trần Minh Trường



Nguyễn Lệ Thanh